

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2-VĨNH LONG  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 215/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-07-2026

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Trí Thiện

2. Ông Trần Ngọc Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Quyển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long Tm gia phiên tòa:**  
Không.

Trong ngày 22 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04/05/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/06/2026 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Trúc T**, sinh năm 1991 (xin vắng)

Nơi cư trú: Số 3358 271B, ST ALDERGROVE BC V4W 3H4, A

Địa chỉ: DC 245-27358-32, AVE ALDERGROVE BC V4W 3M5, A

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hải Đ**, sinh năm 1987 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/03/2026 và trong đơn xin vắng mặt ngày 12/03/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Trúc T trình bày:**

Sau khi quen biết, tìm hiểu, chị đã kết hôn với anh Nguyễn Hải Đ vào ngày 16/06/2014, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau). Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau về vấn đề kinh tế, không còn quan tâm nhau, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mỗi người có cuộc sống

riêng. Năm 2025 chị sang Canada làm việc và hiện tại đang sinh sống tại Canada, cũng do cách trở địa lý tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, chị nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, không thể kéo dài, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hải Đ.

*Về con chung:* Có 02 con chung là Nguyễn Đình K, sinh ngày 29/12/2014, Nguyễn Nhã K1, sinh ngày 24/12/2018, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Hải Đ cấp dưỡng.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Trong biên bản hòa giải ngày 26/06/2026 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/06/2026, bị đơn anh Nguyễn Hải Đ trình bày: Qua quen biết, tìm hiểu nhau nên anh và chị Nguyễn Trúc T có tiến đến hôn nhân, có Đ ký kết hôn vào ngày 16/06/2014, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian và kéo dài đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không hạnh phúc. Do đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Từ lúc ly thân chị T sang Canada làm việc thì hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Trúc T.

*Về con chung:* Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 29/12/2014 và cháu Nguyễn Nhã K1, sinh ngày 24/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Trúc T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn anh Nguyễn Hải Đ cư trú tại xã D, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Nguyễn Trúc T và bị đơn anh Nguyễn Hải Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trúc T và anh Nguyễn Hải Đ có quen biết tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau) vào ngày 16/06/2014, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Trúc T xin ly hôn với anh Nguyễn Hải Đ, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hải Đ đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.”*, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Trúc T khai có con chung với anh Nguyễn Hải Đ là cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 29/12/2014 và cháu Nguyễn Nhã K1, sinh ngày 24/12/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con và anh Đ cũng đồng ý.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu K, K1 cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Do đó để đảm bảo về nguyện vọng và quyền lợi và sự phát triển của các cháu về tâm sinh lý. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Trúc T là giao các cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 29/12/2014 và Nguyễn Nhã K1, sinh ngày 24/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hải Đ được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Trúc T và anh Nguyễn Hải Đ khai chưa yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Trúc T và anh Nguyễn Hải Đ khai không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Trúc T và anh Nguyễn Hải Đ.

[2]. *Về con chung*: Giao các cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 29/12/2014 và Nguyễn Nhã K1, sinh ngày 24/12/2018 cho chị Nguyễn Trúc T nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các cháu.

Anh Nguyễn Hải Đ được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Trúc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008102, ngày 29/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long;
- Phòng TDS khu vực 2-Vĩnh Long;
- UBND xã L, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bảo**